

YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC NÔNG DÂN THAM GIA MÔ HÌNH SẢN XUẤT VÀ THU MUA LÚA QUA HỢP ĐỒNG: TRƯỜNG HỢP MÔ HÌNH CỦA CÔNG TY LỘC TRỜI

DETERMINANTS OF RICE FARMERS' PARTICIPATION IN CONTRACT FARMING: A CASE OF CONTRACT SCHEME LED BY LOC TROI FIRM

Trần Quốc Nhân

Trường Đại học Cần Thơ; tqnhan@ctu.edu.vn

Tóm tắt - Nghiên cứu được thực hiện nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến việc tham gia sản xuất và thu mua lúa qua hợp đồng của nông dân với công ty Lộc Trời. Số liệu sử dụng cho nghiên cứu được thu thập từ 110 hộ nông sản xuất lúa, trong đó 58 hộ có tham gia thực hiện hợp đồng với công ty và 52 hộ sản xuất tự do. Nghiên cứu được thực hiện tại xã Vĩnh Bình, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang vào năm 2016. Phương pháp kiểm định t-test và mô hình hồi qui nhị phân (probit) được áp dụng để phân tích số liệu thu thập được. Nghiên cứu chỉ ra rằng nếu chủ hộ có trình độ càng cao và kinh nghiệm sản xuất lúa càng nhiều sẽ có xu hướng ít tham gia hợp đồng. Trong khi đó nếu nông hộ có sở hữu ghe và có tham gia vào các tổ chức nông dân thì sẽ tăng khả năng tham gia hợp đồng.

Từ khóa - hợp đồng sản xuất; lúa; sự tham gia; yếu tố.

1. Đặt vấn đề

Sản xuất nông nghiệp thông qua hợp đồng thường được định nghĩa là các hoạt động sản xuất nông nghiệp được thực hiện theo một thỏa thuận có trước giữa nông dân và người mua, qua đó nông dân cam kết sản xuất một loại hàng hóa nông sản nào đó và người mua cam kết sẽ mua loại hàng hóa này khi thu hoạch (Minot & Sawyer, 2016). Sản xuất nông nghiệp thông qua hợp đồng được xem là một giải pháp về mặt thể chế tổ chức nhằm giúp cho các nhà xuất khẩu, các nhà chế biến, nhà phân phối hay siêu thị đảm bảo được số lượng và chất lượng nguồn cung nguyên liệu đầu vào một cách ổn định (Reardon et al., 2009; Swinnen & Maertens, 2007). Sản xuất thông qua hợp đồng còn giúp giải quyết những khó khăn mấu chốt mà nông dân hay đối diện như tiếp cận vật tư đầu vào, hạn chế năng lực tài chính, thiếu thông tin về giá cả thị trường, bất bình về đầu ra lúc thu hoạch (Miyata et al., 2009; Swinnen and Maertens, 2007).

Nhiều nghiên cứu cho thấy sản xuất nông nghiệp qua hợp đồng giúp nâng cao hiệu quả sản xuất và thu nhập cho nông hộ (Bellemare, 2012; Miyata et al., 2009; Bolwig et al., 2009). Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu được đề cập chỉ tập trung vào các ngành hàng như cây công nghiệp, hoa quả, gia cầm và bò sữa nhưng có rất ít nghiên cứu tập trung vào cây lương thực (Maertens and Velde, 2017; Minot, 1986).

Chính sách sản xuất và thu mua nông sản qua hợp đồng nói chung và lúa gạo nói riêng đã được Chính phủ nước ta khuyến khích và thúc đẩy áp dụng từ những năm 2000 thông qua Quyết định số 80/2002/QĐ-TTg, Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg (thay thế QĐ 80), và Nghị định số 98/2018/NĐ-CP (thay thế QĐ 62) về khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm

Abstract - This study aims at examining determinants of farmers' participation in rice contract farming led by Loc Troi firm. Data used for this study was gathered from 110 rice growers, consisting of 58 contract farmers and 52 independent farmers. The household survey was conducted in Vĩnh Bình commune, Châu Thành district, An Giang province in September 2016. The Student's t-test for mean value comparison and a probit regression were applied to data analysis. The findings suggest that a household head with higher level of education and longer experience in rice farming is unlikely to participate in the contract scheme. Yet a household owning a boat and a household being a membership of farmers' organization are more likely to engage in contract farming.

Key words - production contract; rice; participation; determinant.

nông nghiệp. Về mặt chính sách cho thấy Chính phủ rất chú trọng đến việc sản xuất và thu mua nông sản qua hợp đồng nói chung và ngành lúa gạo nói riêng, tuy nhiên việc tham gia của nông dân vẫn còn hạn chế. Thật vậy, diện tích sản xuất lúa thông qua hợp đồng ở đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) chiếm khoảng 10% tổng diện tích lúa của toàn vùng (GSO, 2017).

Nghiên cứu về sản xuất và thu mua nông sản qua hợp đồng ở nước ta đã được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm trong những năm gần đây, chẳng hạn như các nghiên cứu của Oanh et al. (2016), Saenger et al. (2013) và Tuan (2012). Tuy nhiên, các tác giả này chú trọng vào ngành chè, chăn nuôi bò sữa và trồng lạc. Hiện nay nghiên cứu về việc sản xuất và thu mua lúa gạo qua hợp đồng ở ĐBSCL cũng đã được thực hiện. Chẳng hạn như nghiên cứu của La Nguyễn Thủy Dung và Mai Văn Nam (2015) và Lê Nguyễn Đoàn Khôi và Nguyễn Ngọc Vàng (2012). Các nghiên cứu này chỉ ra rằng nông dân sản xuất lúa theo hợp đồng thường đạt lợi nhuận cao hơn so với hộ sản xuất tự do. Trong một nghiên cứu của Nhan & Yutaka (2017) đã chỉ ra rằng việc không thống nhất được giá giữa nông dân và doanh nghiệp lúc thu hoạch, doanh nghiệp không thu gom kịp lúa của nông dân lúc thu hoạch và các qui định về chất lượng không rõ ràng được xem như là ba trở ngại chính trong việc thực thi hợp đồng sản xuất và thu mua lúa gạo tại đồng bằng sông Cửu Long. Nghiên cứu Trần Minh Vĩnh và Phạm Văn Đình (2014) đã phân tích một số giải pháp phát triển hợp đồng liên kết sản xuất - tiêu thụ lúa gạo ở tỉnh Đồng Tháp. Qua đây cho thấy phần lớn các nghiên cứu được đề cập chưa chú trọng làm rõ các yếu tố có ảnh hưởng đến việc tham gia vào sản xuất lúa qua hợp đồng của người dân ở ĐBSCL.

Do đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm làm rõ các

yếu tố có ảnh hưởng đến việc tham gia mô hình sản xuất và thu mua lúa qua hợp đồng của nông dân ở ĐBSCL. Thông qua nghiên cứu trường hợp nông dân tham gia vào mô hình sản xuất và thu mua lúa gạo qua hợp đồng của công ty Lộc Trời (một trong những doanh nghiệp thực hiện mô hình liên kết sản xuất và thu mua lúa gạo có nhiều nông dân tham gia nhất hiện nay tại ĐBSCL cũng như của cả nước), nghiên cứu sẽ chỉ ra yếu tố có ảnh hưởng đến việc tham gia vào mô hình sản xuất và thu mua lúa qua hợp đồng của nông dân. Kết quả nghiên cứu sẽ bổ sung các nghiên cứu trước đây về sản xuất và thu mua lúa gạo qua hợp đồng ở ĐBSCL nói riêng và cả nước nói chung. Thông qua nghiên cứu tác giả đề xuất một số gợi ý chính sách nhằm thúc đẩy phát triển mô hình sản xuất và thu mua lúa qua hợp đồng ở ĐBSCL.

2. Tổng quan nghiên cứu

Lợi ích của việc sản xuất qua hợp đồng đến nông dân vẫn là một chủ đề còn nhiều tranh luận (Minot & Sawyer, 2016; Minot, 1986). Tuy nhiên vẫn có nhiều lý do quan trọng để nông dân tham gia vào mô hình sản xuất này. Chẳng hạn như việc tham gia vào hợp đồng giúp nông dân đảm bảo được đầu ra về thị trường vì doanh nghiệp thường cam kết thu mua đầu ra cho nông dân với giá cả được định trước (Singh, 2002). Lý do thứ hai là nông dân muốn được hướng dẫn kỹ thuật sản xuất và nắm bắt nhanh chóng các thông tin về tiến bộ khoa học kỹ thuật và thị trường từ doanh nghiệp (Eaton & Shepherd, 2001). Lý do kế tiếp cũng khá quan trọng là muốn ổn định về thu nhập vì họ có thể giảm được các rủi ro và các bất định của thị trường đầu ra và đầu vào so với các giao dịch trao ngay trên thị trường (Johnson et al., 1996).

Bên cạnh các nghiên cứu có liên quan đến nhận thức (lý do) về việc tham gia hợp đồng, có không ít nghiên cứu phân tích các yếu tố có liên quan đến các đặc điểm của nông hộ ảnh hưởng đến việc tham gia vào hợp đồng của nông dân. Thông qua việc sử dụng mô hình probit, Mishra et al. (2018) đã chứng minh diện tích đất, sở hữu điện thoại và nông hộ thuộc nhóm khá giàu có ảnh hưởng đến việc tham gia hợp đồng của nông dân trồng đậu lăng ở Nepal; tuy nhiên nông hộ có nhiều kinh nghiệm và thành viên lại có xu hướng không tham gia hợp đồng. Tương tự, Maertens & Velde (2017) cũng sử dụng mô hình probit nghiên cứu trường hợp nông dân trồng lúa tham gia hợp đồng ở Benin cho thấy chủ hộ có trình độ càng cao thì có xu hướng ít tham gia hợp đồng, và nếu nông hộ là thành viên của tổ chức nông dân sẽ có xu hướng tham gia hợp đồng nhiều hơn. Trong khi đó, Arumugam et al. (2011) sử dụng mô hình logit để xác định các yếu tố ảnh hưởng đến việc tham gia hợp đồng của nông dân trồng rau quả ở Peninsular (Malaysia). Kết quả cho thấy qui mô diện tích và trình độ học vấn của chủ hộ có tác động tích cực đến việc tham gia hợp đồng. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu của Miyata et al. (2009) thông qua việc sử dụng mô hình probit với trường hợp nông dân trồng táo và hành ở Trung Quốc cho thấy diện tích đất không có ảnh hưởng đến việc tham gia hợp đồng và trình độ học vấn của chủ hộ có ảnh hưởng nghịch chiều đến việc tham gia.

Qua đây cho thấy các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia

vào mô hình sản xuất và thu mua nông sản thông qua hợp đồng có thể không giống nhau ở các địa điểm khác nhau cũng như khác nhau đối với nông dân sản xuất các đối tượng cây trồng khác nhau.

Nghiên cứu về sản xuất và thu mua nông sản thông qua hợp đồng ở nước hiện nay nói chung cũng như sản xuất lúa gạo thông qua hợp đồng ở ĐBSCL nói riêng đã được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm, tuy nhiên chưa có nghiên cứu nào phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến việc tham gia vào sản xuất lúa gạo hợp đồng của nông dân.

3. 3. Phương pháp nghiên cứu và mô tả số liệu

3.1. Phương pháp chọn mẫu và thu thập số liệu

Tổng số hộ được khảo sát là 110 hộ, trong đó có 58 hộ trồng lúa đang tham gia thực hiện hợp đồng với công ty Lộc Trời và 52 hộ trồng lúa chưa từng tham gia sản xuất theo hợp đồng. Do hạn chế về nguồn lực và thời gian nên nghiên cứu áp dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện. Nhóm hộ tham gia hợp đồng được lựa chọn dựa vào danh sách do cán bộ hiện trường của công ty cung cấp; trong khi đó nhóm hộ sản xuất tự do được chọn dựa vào danh sách do trường cấp cung cấp. Hộ sản xuất tự do được chọn phải cư ngụ và sản xuất trên cùng một địa bàn với nhóm hộ sản xuất theo hợp đồng. Điều này nhằm đảm bảo tính đồng nhất về cơ sở hạ tầng giao thông, đặc điểm văn hóa cũng như điều kiện về đất đai sản xuất của cả hai nhóm. Nghiên cứu này được thực hiện tại xã Vĩnh Bình, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang vào tháng 9 năm 2016. Vĩnh Bình là một trong 5 địa điểm xây dựng 5 nhà máy thu mua và chế biến lúa gạo của công ty Lộc Trời và cũng là địa bàn có nhiều nông dân tham gia qua thời gian dài (từ năm 2012 đến nay).

Phương pháp phỏng vấn nông hộ thông qua bản hỏi cấu trúc được sử dụng để thu thập các thông tin về đặc điểm nhân khẩu học, phương tiện sản xuất, thông tin chi tiết về chi phí sản xuất và việc bán lúa của nông hộ như giá bán, thời điểm bán và người mua. Thông tin về trở ngại và khó khăn trong quá trình thực hiện hợp đồng cũng được thu thập. Ngoài ra, tác giả cũng phỏng vấn đại diện doanh nghiệp và cán bộ phụ trách hiện trường để thu thập các thông tin có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng và các hoạt động mua bán lúa gạo.

3.2. Phương pháp phân tích số liệu

Số liệu trước khi phân tích được phân thành hai nhóm hộ nông dân: (1) nhóm sản xuất qua hợp đồng, và (2) nhóm sản xuất tự do. Phương pháp thống kê mô tả, kiểm định sự khác biệt trung bình t-test, và mô hình hồi qui nhị probit được áp dụng chủ yếu trong nghiên cứu này.

3.3. Đặc điểm của mẫu nghiên cứu

Kết quả thể hiện ở Bảng 1 nhìn chung không có sự khác biệt lớn về đặc điểm kinh tế-xã hội giữa hai nhóm hộ. Nhóm hộ thực hiện hợp đồng có xu hướng trẻ hơn và ít kinh nghiệm sản xuất hơn so với nhóm hộ sản xuất tự do. Trình độ học vấn của chủ hộ có tham gia hợp đồng có xu hướng cao hơn so với nhóm hộ còn lại. Tuy nhiên, chủ hộ của nhóm sản xuất tự do có xu hướng trẻ hơn so với nhóm hộ hợp đồng.

Bảng 1. Đặc điểm về kinh tế-xã hội giữa hai nhóm hộ

Variable	Hộ không HĐ	Hộ có HĐ	Khác biệt
Tuổi của chủ hộ (tuổi)	47,71	44,72	-2,987*
Kinh nghiệm trồng lúa (năm)	25,83	21,14	-4,689***
Trình độ học vấn (năm học)	6,77	5,83	-0,942
Số thành viên của hộ (người)	4,50	4,78	0,276
Diện tích đất nông nghiệp (ha)	2,85	3,21	0,363
Diện tích đất lúa (ha)	2,78	3,14	0,357
Sở hữu ghe (có=1, khác=0)	0,29	0,48	0,194**
Sở hữu kho chứa lúa (có=1, khác=0)	0,03	0,10	-0,062
Sở hữu máy cày (có=1, khác=0)	0,06	0,17	0,115*
Tham gia tổ chức nông dân (có=1, khác=0)	0,08	0,24	0,164**
Số vụ lúa đã hợp đồng (vụ)	-	10,76	-

Ghi chú: *, ** và *** khác biệt ở mức ý nghĩa 10%, 5% và 1%

Nguồn: Khảo sát tại Châu Thành, An Giang 2016

Tổng diện tích đất sản xuất của hai nhóm hộ tương đối lớn, trung bình mỗi hộ có 2,97 ha diện tích đất lúa. Diện tích đất lúa chiếm trên 95% tổng diện tích đất sản xuất của hộ, cho thấy lúa là nguồn thu nhập chính yếu của họ. Tỷ lệ nông hộ thuộc nhóm sản xuất theo hợp đồng có xu hướng sở hữu ghe (xuồng) và máy cày nhiều hơn so với nhóm hộ sản xuất tự do. Bảng 1 cũng cho thấy nông hộ tham gia vào các tổ chức nông dân như hợp tác xã, tổ hợp tác và câu lạc bộ khuyến nông chiếm tỷ lệ khá thấp (khoảng 16%). Hộ tham gia hợp đồng có xu hướng là thành viên của các tổ chức này nhiều hơn so với nhóm hộ còn lại.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Phương thức tổ chức thực hiện hợp đồng

Tập đoàn Lộc Trời, tiền thân là công ty cổ phần bảo vệ thực vật An Giang được thành lập vào năm 1993, là một trong những doanh nghiệp hàng đầu ở Việt Nam về lĩnh vực sản xuất và phân phối nông dược và lúa giống. Tuy nhiên, năm 2010 công ty mở rộng hoạt động sang lĩnh vực chế biến và xuất khẩu gạo, và trở thành một trong những doanh nghiệp xuất khẩu gạo hàng đầu ở nước ta hiện nay. Kết quả khảo sát cho thấy công ty có mạng lưới nông dân thường xuyên hợp tác trong việc sản xuất lúa là khoảng 25.000 hộ với hơn 600 cán bộ hiện trường tư vấn và hỗ trợ kỹ thuật trực tiếp cho nông dân. Nguyên liệu lúa đầu vào của công ty chủ yếu được thu mua từ nông dân hợp đồng. Thị trường đầu ra của doanh nghiệp chủ yếu là thị trường xuất khẩu, chiếm trên 80% sản lượng và 20% còn lại tiêu thụ ở thị trường nội địa.

Tiến trình thực hiện hợp đồng giữa công ty và nông dân có thể tóm tắt qua ba bước cơ bản. Bước 1, doanh nghiệp liên hệ với chính quyền địa phương để xác định khu vực có thể triển khai thực hiện. Bước 2, sau khi xác định được địa bàn tổ chức thực hiện thông qua sự hỗ trợ của địa phương, doanh nghiệp tiến hành tổ chức hợp với nông dân trồng lúa

ở khu vực đã xác định để thông tin về việc thực hiện hợp đồng. Sau cuộc họp nông dân sẽ tiến hành đăng ký tham gia thực hiện hợp đồng hoặc không. Lưu ý là doanh nghiệp sẽ chấp nhận tất cả nông dân đăng ký tham gia thực hiện hợp đồng mà không phân biệt qui mô diện tích. Cuối cùng, công ty tiến hành ký hợp đồng bằng văn bản với từng nông dân.

Nội dung hợp đồng chủ yếu đề cập đến giống lúa, diện tích, sản lượng dự kiến, các chỉ số về ẩm độ, độ thuần, độ lẫn tạp chất, các hóa chất không được sử dụng và cơ chế giá thu mua. Nông dân phải sử dụng lúa giống và thuốc bảo vệ thực vật do công ty cung cấp nhưng có thể sử dụng hoặc không sử dụng phân bón do công ty cung cấp. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, công ty phân công cán bộ kỹ thuật hướng dẫn trực tiếp cho nông dân. Cơ chế giá trong hợp đồng thường được xác định là giá theo thị trường tại thời điểm thu hoạch. Vào thời điểm thu hoạch nếu nông dân không đồng ý bán cho công ty thì có thể gởi lưu kho tại công ty trong thời gian 30 ngày, trong thời gian này nông dân không được bán lúa cho người khác sau đó nếu nông dân không đồng ý bán cho công ty thì phải trả tất cả chi phí như phí tư vấn hướng dẫn kỹ thuật, phí sấy và phí lưu kho. Ngược lại, nếu nông dân đồng ý bán cho công ty thì không phải trả chi phí tư vấn và hướng dẫn kỹ thuật cũng như chi phí lưu kho (nếu có).

Công ty sẽ chịu chi phí vận chuyển lúa tươi của nông dân đến nhà máy, sau đó mới tiến hành cân sản lượng thực tế và đo ẩm độ. Dựa vào trọng lượng lúa theo ẩm độ thực tế, công ty sẽ qui đổi về trọng lượng lúa ở độ ẩm 15,5% để thanh toán tiền cho nông dân. Nếu tăng 1% độ ẩm so với 15,5% thì trọng lượng lúa sẽ bị giảm là 1,2% (đây là qui định do công ty đưa ra). Ví dụ, nếu trọng lượng lúa thực tế của nông dân 1.000 kg ở độ ẩm 25,5%, thì công ty sẽ thanh toán cho nông dân 880 kg lúa ở độ ẩm 15,5%. Tuy nhiên trong thực tế có nhiều nông dân không hài lòng với qui định này, họ cho rằng tính toán phức tạp và qui định do công ty đưa ra nên có thể không chính xác và có lợi cho họ. Trong quá trình thực hiện nhiều nông dân cũng cho rằng vào thời điểm thu hoạch rộ, công ty thường không chuyển lúa từ ghe lên lò sấy kịp nên họ phải chờ đợi để đến lượt của mình, làm tốn thời gian và chi phí đi lại cho họ.

4.2. Yếu tố ảnh hưởng đến việc tham gia sản xuất qua hợp đồng của nông hộ

Dựa vào kết quả nghiên cứu của các mô hình được thực hiện bởi Mishra et al. (2018), Maertens & Velde (2017), và Miyata et al. (2009) và những quan sát thực tế tại địa bàn nghiên cứu. Tác giả xây dựng mô hình hồi qui nhị phân (probit) để xác định các yếu tố có tác động đến việc tham gia vào sản xuất thông qua hợp đồng của nông hộ trồng lúa với công ty Lộc Trời. Tuy nhiên, các yếu tố không quan sát được nhưng có thể có ảnh hưởng đến quyết định tham vào hợp đồng như sở thích, thói quen, tính kỷ luật,...chưa được đưa vào mô hình. Mô hình hồi qui nhị phân có dạng như sau:

$$Ln \frac{P(Y=1)}{P(Y=0)} = B_0 + B_1X_1 + B_2X_2 + B_3X_3 + B_4X_4 + B_5X_5 + B_6X_6 + B_7X_7 + B_8X_8$$

Trong đó: Y là biến phụ thuộc, thể hiện việc tham gia

sản xuất qua hợp đồng được đo lường bằng hai giá trị 1 và 0 (1 là có tham gia hợp đồng, 0 là sản xuất tự do). Các biến X_1 , X_2 , X_3 , X_4 , X_5 , X_6 , X_7 và X_8 là các biến độc lập (biến giải thích) và được trình bày chi tiết ở Bảng 2.

Bảng 2. Diễn giải các biến trong mô hình hồi qui

Biến độc lập	Diễn giải
X_1 : Trình độ của chủ hộ	Biến liên tục (năm)
X_2 : Kinh nghiệm sản xuất	Biến liên tục (năm)
X_3 : Số thành viên của hộ	Biến liên tục (người)
X_4 : Diện tích đất lúa	Biến liên tục (ha)
X_5 : Sở hữu máy cày	Nếu có máy cày = 1, khác = 0
X_6 : Sở hữu kho chứa lúa	Nếu có kho = 1, khác = 0
X_7 : Sở hữu ghe (xuồng)	Nếu có ghe = 1, khác = 0
X_8 : Tham gia vào tổ chức nông dân	Nếu có tham gia = 1, khác = 0

Kết quả ở Bảng 3 cho thấy mức độ phù hợp của mô hình có mức ý nghĩa thống kê 1%. Kết quả kiểm định cho thấy chỉ có 4 biến độc lập tác động có ý nghĩa thống kê đến việc tham gia sản xuất lúa qua hợp đồng của nông dân. Các biến đó là *trình độ học vấn của chủ hộ*, *kinh nghiệm sản xuất lúa của nông hộ*, và *tham gia vào tổ chức nông dân*, cả ba biến có tác động ở mức ý nghĩa thống kê 1%, và biến *nông hộ có sở hữu ghe* ảnh hưởng đến việc tham gia hợp đồng ở mức ý nghĩa thống kê 5%. Bốn biến có ảnh hưởng đến việc tham gia vào sản xuất và thu mua lúa qua hợp đồng được giải thích như sau:

Trình độ học vấn của chủ hộ (X_1): đây là biến liên tục và có giá trị tác động biên lên mô hình là -0,0491. Kết quả này phản ánh nếu trình độ học vấn của chủ hộ tăng lên 1 năm học thì khả năng tham gia hợp đồng sẽ giảm khoảng 5% với điều kiện các yếu tố khác không đổi. Hay nói cách khác khi chủ hộ có trình độ càng cao thì khả năng tham gia hợp đồng sẽ giảm, tuy nhiên tác động của biến này đến mô hình tương đối nhỏ. Kết quả này cũng phù hợp với nghiên cứu của Maertens & Velde (2017) và Miyata et al. (2009).

Kinh nghiệm trồng lúa của nông hộ (X_2): đây cũng là biến liên tục và giá trị tác động biên lên mô hình là -0,0209. Giá trị này ngụ ý rằng khi kinh nghiệm trồng lúa của nông hộ tăng thêm 1 năm thì khả năng tham gia hợp đồng sẽ giảm khoảng 2% với điều kiện các biến khác không đổi. Điều này cho thấy khi nông hộ có nhiều kinh nghiệm thì khả năng tham gia hợp đồng sẽ giảm, phù hợp với nghiên cứu của Mishra et al. (2018). Việc này có thể được lý giải là khi có nhiều kinh nghiệm sản xuất thì nông hộ quen với cách làm của mình và có thể không muốn thay đổi hoặc tiếp nhận những mô hình mới một cách nhanh chóng.

Sở hữu ghe (X_7): đây là biến nhị phân và có giá trị tác động biên lên mô hình là 0,2804, tác động cùng chiều đến việc tham gia vào sản xuất qua hợp đồng. Kết quả này phản ánh rằng nếu nông hộ có sở hữu ghe thì khả năng tham gia hợp đồng tăng lên khoảng 28% với điều kiện các yếu tố khác không đổi. Kết quả nghiên cứu của Mishra et al. (2018) cũng cho thấy khi nông hộ có điều kiện hay khá giả thường có xu hướng tham gia vào hợp đồng.

Bảng 3. Kết quả mô hình phân tích hồi qui nhị phân

Biến độc lập X_i	Giá trị tác động biên	S.E
X_1 : Trình độ của chủ hộ	-0,0491***	0,0178
X_2 : Kinh nghiệm sản xuất lúa	-0,0209***	0,0062
X_3 : Số thành viên của nông hộ	0,0316	0,0368
X_4 : Diện tích đất lúa	0,0102	0,0218
X_5 : Sở hữu máy cày	0,3064	0,1910
X_6 : Sở hữu kho chứa lúa	-0,1344	0,1526
X_7 : Sở hữu ghe (xuồng)	0,2804**	0,1115
X_8 : Tham gia tổ chức nông dân	0,4597***	0,1287
Log likelihood: -59.17		
Prob > chi2: 0,000		
Pseudo R2: 0,2222		

Ghi chú: ** và *** khác biệt ở mức ý nghĩa 5% và 1%
Nguồn: Khảo sát tại Châu Thành, An Giang 2016

Tham gia vào tổ chức nông dân (X_8): đây cũng là một biến định danh nhận 2 giá trị đại diện (1: có tham gia vào tổ chức nông dân như hợp tác xã, tổ hợp tác, hoặc câu lạc bộ khuyến nông; 0: không tham gia). Giá trị biên của biến này lên mô hình là 0,4597, lớn nhất so với tất cả các biến khác. Giá trị này ngụ ý rằng nếu nông hộ có tham gia vào các tổ chức nông dân thì khả năng tham gia hợp đồng sẽ tăng lên khoảng 46% với điều kiện các biến khác không đổi. Kết quả này hoàn toàn phù hợp trong thực tế vì khi nông dân là thành viên của các tổ chức sẽ có nhiều cơ hội được gặp các công ty, doanh nghiệp vì các đơn vị này thường tổ chức làm việc với tổ chức đại diện nông dân hơn là làm việc trực tiếp với từng nông dân riêng lẻ. Kết quả nghiên cứu của Maertens & Velde (2017) cũng cho thấy khi nông dân là thành viên của tổ chức nông dân thì sẽ có tác động tích cực đến việc tham gia hợp đồng.

Mặc dù giá trị tác động biên của biến X_5 và biến X_6 lên mô hình không có ý nghĩa thống kê, tuy nhiên giá trị tác động của hai biến này lần lượt là 0,3064 và -0,1344, các giá trị này tương đối lớn so với các biến còn lại. Kết quả này phản ánh rằng, nếu nông hộ có sở hữu máy cày thì khả năng tham gia hợp đồng sẽ tăng lên khoảng 31% với điều kiện các yếu tố khác không đổi. Tuy nhiên, nếu nông hộ có nhà kho chứa lúa thì khả năng tham gia hợp đồng sẽ giảm khoảng 13% với điều kiện các biến khác không đổi. Điều này có thể được giải thích là do nông hộ có thể trữ lúa lại bán sau khi thu hoạch nhằm tránh thời điểm thu hoạch nhiều.

5. Kết luận

Nghiên cứu đã chỉ ra rằng nếu chủ hộ có trình độ học vấn cao và kinh nghiệm sản xuất nhiều thường có xu hướng ít tham gia vào sản xuất qua hợp đồng. Tuy nhiên, nếu nông hộ có sở hữu ghe và là thành viên của các tổ chức nông dân sẽ có xu hướng tham gia hợp đồng nhiều hơn. Thông qua kết quả này cho thấy không phải tất cả nông dân đều có xu hướng tham gia sản xuất lúa qua hợp đồng, chẳng hạn như nông dân có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm thường không tham gia, trong khi đó nông dân là thành viên của các tổ chức nông dân lại có xu

hướng tham gia nhiều hơn. Mô hình sản xuất và thu mua lúa gạo thông qua hợp đồng được thực hiện bởi công ty Lộc Trời cho thấy không phải doanh nghiệp nào cũng có thể tổ chức thực hiện được vì không ít doanh nghiệp không đủ nguồn lực để hỗ trợ trước vật tư đầu vào sản xuất và hướng dẫn kỹ thuật trực tiếp cho nông dân nên có thể dẫn đến sự liên kết thiếu chặt chẽ giữa nông dân và doanh nghiệp do ít có sự ràng buộc lẫn nhau.

Kết quả nghiên cứu gợi ý cho các nhà xây dựng chính sách cũng như các nhà quản lý nông nghiệp ở địa phương là mô hình sản xuất lúa gạo qua hợp đồng có thể không thích hợp với tất cả nông dân và doanh nghiệp hay nói cách khác là không phải nông dân và doanh nghiệp nào cũng có xu hướng tham gia thực hiện. Do đó nên chú trọng đến khâu tổ chức thực hiện hợp đồng nhằm giúp tăng sự bền vững của mô hình hơn là chú trọng đến qui mô tham gia của nông dân. Hiệu quả sản xuất của mô hình hợp đồng mang lại đã được chứng minh trong thực tiễn cũng như qua nhiều nghiên cứu, tuy nhiên trong thực tế nhiều nông dân và doanh nghiệp vẫn không muốn tham gia thực hiện mô hình do việc tổ chức thực hiện chưa được thuận lợi so với việc mua bán trên thị trường trao ngay.

Nghiên cứu này chỉ phân tích ảnh hưởng của các yếu tố có thể quan sát được về đặc điểm kinh tế - xã hội của nông hộ mà chưa phân tích các yếu tố không quan sát được như động lực và nhận thức của nông hộ đến việc tham gia vào mô hình sản xuất lúa gạo qua hợp đồng. Do đó, nghiên cứu về các nhân tố (lý do) ảnh hưởng đến quyết định tham gia hay không tham gia vào hợp đồng sản xuất lúa gạo nên được thực hiện trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Arumugam, N., Arshad, F.M., Chiew, E., Mohamed, Z., "Determinants of fresh fruits and vegetables farmers' participation in contract farming in Peninsular Malaysia", *International Journal of Agricultural Management & Development*, 1(2): 65-71, 2011
- [2] Bellemare, M.F. "As you sow, so shall you reap: the welfare impacts of contract farming?" *World Development*, 40(7): 1418-1434, 2012
- [3] Bolwig, S. Gibbon, P., Jones, S., "The economics of smallholder organic contract farming in tropical Africa", *World Development*, 37(6):1094-1104, 2009.
- [4] Eaton, C., A.W. Shepherd, "Contract farming: Partnerships for growth", FAO agricultural services bulletin 145, Rome, 2001
- [5] GSO (2017). Báo cáo kết quả điều tra nông nghiệp, nông thôn và thủy sản năm 2016, Tổng cục thống kê
- [6] Johnson, J., Morehart, M., Perry, J., Banker D., "Farmers' use of marketing and production contracts". Agricultural Economic Report No. 747. Economics Research Service, USDA, 1996
- [7] La Nguyễn Thùy Dung và Mai Văn Nam, "Phân tích hiệu quả tài chính của hộ sản xuất lúa theo mô hình liên kết với doanh nghiệp ở tỉnh An Giang", *Tạp chí Khoa học Trường ĐH Cần Thơ*, 36(D): 92-100, 2015.
- [8] Lê Nguyễn Đoàn Khôi và Nguyễn Ngọc Vàng, "Giải pháp nâng cao hiệu quả tổ chức sản xuất lúa ở An Giang", *Tạp chí Khoa học Trường ĐH Cần Thơ*, 23b:86-193, 2012.
- [9] Maertens, M., Velde, K.V., "Contract farming in staple food chains: the case of rice in Benin", *World Development*, 95: 73-87, 2017.
- [10] Minot, N. & Sawyer, B., "Contract farming in developing countries: theory, practice and policy implications" In: Devaux, André; Toreto, Máximo; Donovan, Jason; Horton, Douglas, eds., *Innovation for inclusive value-chain development: Successes and Challenges*, International Food Policy Research, Washington, D.C., 2016.
- [11] Minot, N., "Contract farming and its effect on small farmers in less-developed countries", Working Paper No. 31, Michigan State University, U.S, pp.86, 1986.
- [12] Mishra, A.K, A. Kumar, P.K. Joshi & D'Souza A., "Impact of contract farming on yield, cost and profitability in low-value crop: evidence from a low-income country", *The Australian J. of Agricultural and Resource Economics*, 62(4):1-19, 2018.
- [13] Miyata, S., Minot, N., Hu, D., "Impact of contract farming on income: Linking small farmers, packers, and supermarkets in China", *World Development*, 37(11): 1781-1790, 2009.
- [14] Nhan, T.Q. and Yutaka, T., "Current status and problems of rice contract farming enforcement in Mekong delta, Vietnam", *Agricultural Marketing Journal of Japan*, 26(1): 43-50, 2017.
- [15] Oanh, L.T.K., Nga, B.T., Lebaillly, P., "Tea production between contract and noncontract farmers in Phu Tho province, Vietnam", *Scholars Journal of Agricultural and Veterinary Sciences*, 3(2): 117-122, 2016.
- [16] Reardon, T., Barrett, C.B., Bergeue, J.A., Swinnen, J.F.M., "Agrifood industry transformation and small farmers in developing countries", *World Development*, 37(11): 1717-1727, 2009.
- [17] Saenger, C., Qaim, M., Torero, M., Viceisza, A., "Contract farming and smallholder incentives to produce high quality: experimental evidence from the Vietnamese dairy sector", *Agricultural Economics*, 44: 297-308, 2013.
- [18] Singh, S., "Contract Farming for agricultural Diversification in India Punjab: A study of Performance and Problems", *Indian Journal of Agricultural Economics*, 55(3): 283-294, 2000.
- [19] Swinnen, J.F.M., Maertens, M., "Globalization, privatization and vertical coordination in food value chains in developing and transition countries. *Agricultural Economics*, 37: 89-102, 2007.
- [20] Trần Minh Vĩnh và Phạm Văn Đình, "Một số giải pháp phát triển hợp đồng liên kết sản xuất - tiêu thụ lúa gạo ở tỉnh Đồng Tháp", *Tạp chí Khoa học & Phát triển*, 12(6): 844-852, 2014.
- [21] Tuan, N.P., "Contract farming and its impact on income and livelihoods for small-scale farmers: case study in Vietnam", *J. Agribusiness and Rural Development*, 4(26): 147-166, 2012.

(BBT nhận bài: 22/11/2018, hoàn tất thủ tục phản biện: 18/02/2019)